

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2010/TT-BKHHCN

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2010

THÔNG TƯ**Hướng dẫn đánh giá, nghiệm thu dự án thuộc Chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2004 - 2010**

Căn cứ Quyết định số 122/2004/QĐ-TTg ngày 05/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010”;

Căn cứ Quy chế quản lý Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010” ban hành kèm theo Quyết định số 09/2005/QĐ-BKHHCN ngày 18/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn đánh giá, nghiệm thu dự án thuộc Chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2004 - 2010 (sau đây gọi tắt là Chương trình Nông thôn miền núi) như sau:

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn đánh giá, nghiệm thu các dự án do Trung ương quản lý và các dự án ủy quyền địa phương quản lý thuộc Chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2004 - 2010.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đánh giá, nghiệm thu dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi giai đoạn 2004 - 2010 bao gồm hai bước:

- Bước 1: đánh giá kết quả thực hiện mô hình của dự án;
- Bước 2: đánh giá, nghiệm thu dự án.

2. Đánh giá kết quả thực hiện mô hình là việc thẩm định và ghi nhận các kết quả đạt được so với nội dung, quy mô của các mô hình đã được phê duyệt trong thuyết minh dự án; hiệu quả kinh tế - xã hội; khả năng duy trì, phát triển và nhân rộng của mô hình.

3. Đánh giá, nghiệm thu dự án là việc thẩm định và ghi nhận các kết quả đạt được so với nội dung hợp đồng thực hiện dự án (trong đó Thuyết minh dự án và các tài liệu pháp lý liên quan khác là một bộ phận của Hợp đồng) khi kết thúc Hợp đồng.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu dự án do Trung ương quản lý

1. Việc đánh giá, nghiệm thu dự án được tiến hành theo 3 bước: đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện mô hình; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án ở cấp tỉnh, thành phố và đánh giá, nghiệm thu cấp Nhà nước.

2. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện mô hình

a) Việc đánh giá kết quả thực hiện mô hình được thực hiện thông qua một Hội đồng do cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành lập. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện mô hình có từ 5 đến 7 thành viên, gồm đại diện các đơn vị: chính quyền địa phương (xã, huyện) tại địa bàn triển khai thực hiện mô hình; Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành có liên quan của tỉnh, thành phố. Hội đồng có 01 thư ký hành chính giúp việc là cán bộ của cơ quan chủ trì thực hiện dự án;

b) Cuộc họp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện mô hình được tổ chức tại địa bàn triển khai xây dựng mô hình và Hội đồng có trách nhiệm thẩm định, ghi nhận kết quả đạt được về nội dung, quy mô của các mô hình so với Thuyết minh dự án đã được phê duyệt; hiệu quả kinh tế - xã hội; khả năng duy trì, phát triển và nhân rộng của mô hình;

c) Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện mô hình phải được hoàn thành chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc Hợp đồng.

3. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án cấp tỉnh, thành phố

a) Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án cấp tỉnh, thành phố được thực hiện thông qua một Hội đồng khoa học và công nghệ do Ủy ban nhân dân tỉnh,

thành phố thành lập hoặc ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố thành lập (sau đây gọi tắt là Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố). Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố có từ 7 đến 9 thành viên, gồm đại diện các đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ; đại diện một số sở, ngành có liên quan của tỉnh, thành phố; một số nhà khoa học có chuyên môn phù hợp với nội dung của dự án. Hội đồng có 01 thư ký hành chính giúp việc là cán bộ của Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Đại diện cơ quan chủ trì, đại diện cơ quan chuyển giao công nghệ, chủ nhiệm dự án, các cá nhân tham gia thực hiện và chuyển giao công nghệ không được tham gia Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố;

c) Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án cấp tỉnh, thành phố có trách nhiệm đánh giá, nghiệm thu dự án theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Thông tư này.

Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố đánh giá kết quả thực hiện dự án theo hai mức “đạt” hoặc “không đạt” và việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án cấp tỉnh, thành phố phải được hoàn thành trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án cấp tỉnh, thành phố.

4. Đánh giá, nghiệm thu dự án cấp Nhà nước

a) Việc đánh giá, nghiệm thu dự án cấp Nhà nước được thực hiện thông qua một Hội đồng khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập (sau đây gọi tắt là Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp Nhà nước). Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp Nhà nước có từ 9 đến 11 thành viên, gồm đại diện cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương và địa phương; một số nhà khoa học có chuyên môn phù hợp với nội dung của dự án. Hội đồng có 02 thư ký hành chính giúp việc là cán bộ của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Đại diện cơ quan chủ trì, đại diện cơ quan chuyển giao công nghệ, chủ nhiệm dự án, các cá nhân tham gia thực hiện và chuyển giao công nghệ không được tham gia Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp Nhà nước;

c) Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp Nhà nước có trách nhiệm đánh giá, nghiệm thu dự án theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 của Thông tư này;

d) Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp Nhà nước đối với các dự án được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố

đánh giá “đạt” trở lên. Những dự án được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố đánh giá “không đạt” sẽ được Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xem xét và xử lý theo các quy định hiện hành về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu dự án ủy quyền địa phương quản lý

1. Việc đánh giá, nghiệm thu dự án được tiến hành theo 2 bước: đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện mô hình; đánh giá, nghiệm thu dự án cấp tỉnh, thành phố.

2. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện mô hình thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 của Thông tư này.

3. Đánh giá, nghiệm thu dự án cấp tỉnh, thành phố

a) Việc đánh giá, nghiệm thu dự án cấp tỉnh, thành phố được thực hiện thông qua một Hội đồng khoa học và công nghệ do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thành lập hoặc ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố thành lập (sau đây gọi tắt là Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố). Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố có từ 7 đến 9 thành viên, gồm đại diện các đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; đại diện một số sở, ngành có liên quan của tỉnh, thành phố; một số nhà khoa học có chuyên môn phù hợp với nội dung của dự án. Hội đồng có 01 thư ký hành chính giúp việc là cán bộ của Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Đại diện cơ quan chủ trì, đại diện cơ quan chuyên giao công nghệ, chủ nhiệm dự án, các cá nhân tham gia thực hiện và chuyên giao công nghệ không được tham gia Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố;

c) Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố có trách nhiệm đánh giá, nghiệm thu dự án theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 của Thông tư này.

Điều 5. Nguyên tắc làm việc của các Hội đồng đánh giá, nghiệm thu

1. Phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt, trong đó phải có mặt của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và 2 ủy viên phản biện.

2. Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp và chỉ đạo các công việc của Hội đồng, trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt Phó Chủ tịch Hội đồng sẽ thay Chủ tịch Hội đồng thực hiện phần việc này.

3. Phương thức và quy trình làm việc của các Hội đồng thực hiện theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU DỰ ÁN

Mục 1

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ

Điều 6. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện mô hình

1. Hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện mô hình

Hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện mô hình gồm: báo cáo kết quả thực hiện mô hình và các tài liệu có liên quan khác đến việc triển khai thực hiện mô hình.

Báo cáo kết quả triển khai thực hiện mô hình phải thể hiện được: kết quả thực hiện về nội dung, quy mô của các mô hình so với hợp đồng; tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện mô hình; hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của mô hình; khả năng duy trì và phát triển nhân rộng của mô hình; phương án tổ chức nhân rộng mô hình.

2. Đánh giá kết quả thực hiện mô hình

a) Căn cứ báo cáo kết quả triển khai thực hiện mô hình, Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện mô hình thảo luận, đánh giá và xác nhận theo các nội dung:

- Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với Hợp đồng;
- Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện mô hình;
- Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện mô hình;
- Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của mô hình;
- Khả năng duy trì và nhân rộng của mô hình.

b) Kết quả làm việc của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu mô hình được thể hiện thông qua một Biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này và việc đánh giá, nghiệm thu mỗi mô hình được ghi chép thông qua một Biên bản riêng.

Điều 7. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án cấp tỉnh, thành phố

1. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án cấp tỉnh, thành phố

a) Chậm nhất 35 ngày kể từ ngày kết thúc Hợp đồng, chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm nộp 12 bộ hồ sơ kết quả thực hiện dự án

cấp tỉnh, thành phố (trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc) cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố;

b) Bộ hồ sơ kết quả thực hiện dự án cấp tỉnh, thành phố gồm công văn đề nghị đánh giá kết quả thực hiện dự án cấp tỉnh, thành phố của cơ quan chủ trì và các tài liệu sau đây:

- Báo cáo kết quả thực hiện dự án (báo cáo tổng kết) theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

- Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện dự án.

- Tập hợp các tài liệu có liên quan gồm:

+ Thuyết minh và hợp đồng dự án (bản phô tô);

+ Những tài liệu và sản phẩm của dự án theo yêu cầu đã nêu trong Hợp đồng;

+ Các báo cáo và biên bản kiểm tra định kỳ;

+ Biên bản quyết toán tài chính hàng năm và biên bản xác nhận tình hình sử dụng kinh phí năm cuối của Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi nếu năm cuối chưa đến thời hạn quyết toán.

+ Báo cáo kết quả triển khai thực hiện các mô hình;

+ Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu các mô hình và biên bản đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các mô hình;

+ Các văn bản có liên quan khác.

2. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án cấp tỉnh, thành phố

a) Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án cấp tỉnh, thành phố, Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố đánh giá kết quả thực hiện dự án theo các nội dung sau:

- Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với Hợp đồng;

- Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án;

- Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án;

- Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án;

- Khả năng duy trì và nhân rộng kết quả của dự án.

b) Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố đánh giá kết quả thực hiện dự án theo các tiêu chí và thang điểm quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này và xếp loại dự án theo các mức “đạt” hoặc “không đạt”;

- Dự án được đánh giá ở mức “đạt” là dự án có bình quân tổng số điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng có mặt từ 60 điểm đến 100 điểm;

- Dự án được đánh giá ở mức “không đạt” là dự án có bình quân tổng số điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng có mặt dưới 60 điểm hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực;

+ Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền);

+ Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung;

+ Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8 của Thông tư này từ 181 ngày trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Xử lý kết quả đánh giá kết quả thực hiện dự án cấp tỉnh, thành phố

- Đối với các dự án được đánh giá “không đạt”, Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố có trách nhiệm xem xét, xác định những nội dung, công việc đã thực hiện được theo đúng Hợp đồng làm căn cứ để Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và xử lý.

- Đối với những dự án được đánh giá ở mức “đạt” trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họp xong Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố, chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì dự án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chuyên giao công nghệ bổ sung hoàn thiện hồ sơ theo kiến nghị của Hội đồng.

Điều 8. Đánh giá, nghiệm thu dự án cấp Nhà nước

1. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu dự án cấp Nhà nước

a) Chậm nhất là 75 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng, chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm nộp 15 bộ hồ sơ đã bổ sung và hoàn thiện theo kiến nghị của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố (trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc) cho Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi, Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Bộ hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án cấp Nhà nước gồm công văn đề nghị nghiệm thu cấp Nhà nước của cơ quan chủ trì và các tài liệu sau đây:

- Báo cáo kết quả thực hiện dự án (báo cáo tổng kết) đã bổ sung và hoàn thiện theo kiến nghị của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố;

- Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện dự án đã bổ sung và hoàn thiện theo kiến nghị của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố;
- Tập hợp các tài liệu có liên quan gồm:
 - + Thuyết minh và hợp đồng dự án (bản phô tô);
 - + Những tài liệu và sản phẩm của dự án theo yêu cầu đã nêu trong Hợp đồng;
 - + Các báo cáo và biên bản kiểm tra định kỳ;
 - + Biên bản quyết toán tài chính hàng năm và biên bản xác nhận tình hình sử dụng kinh phí năm cuối của Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi nếu năm cuối chưa đến thời hạn quyết toán;
 - + Báo cáo kết quả triển khai thực hiện các mô hình;
 - + Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu các mô hình và biên bản đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các mô hình;
 - + Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố và biên bản đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án cấp tỉnh, thành phố;
 - + Các văn bản có liên quan khác.

2. Đánh giá, nghiệm thu dự án cấp Nhà nước

a) Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu dự án cấp Nhà nước, Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp Nhà nước đánh giá kết quả thực hiện dự án theo các nội dung sau:

- Kết quả công tác chuyển giao công nghệ so với mục tiêu, nội dung của dự án và Hợp đồng;
- Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với Hợp đồng;
- Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án;
- Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án;
- Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án;
- Khả năng duy trì và nhân rộng kết quả của dự án.

b) Kết quả thực hiện dự án được đánh giá bằng điểm theo các tiêu chí và thang điểm quy định tại Phụ lục V kèm theo Thông tư này và thời điểm nộp hồ sơ để xếp loại dự án theo các mức “xuất sắc”, “khá”, “đạt” hoặc “không đạt”. Cụ thể như sau:

- Dự án được đánh giá ở mức “xuất sắc” là dự án có bình quân tổng số điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng có mặt từ 90 điểm đến 100 điểm và hồ sơ nộp đúng

tiến độ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8 của Thông tư này hoặc không chậm hơn tiến độ quy định là 15 ngày;

- Dự án được đánh giá ở mức “khá” là dự án có bình quân tổng số điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng có mặt từ 75 điểm đến dưới 90 điểm và hồ sơ nộp không chậm hơn tiến độ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8 của Thông tư này là 15 ngày hoặc trên 90 điểm nhưng hồ sơ nộp chậm so với tiến độ quy định từ 16 đến 30 ngày;

- Dự án được đánh giá ở mức “đạt” là dự án có bình quân tổng số điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng có mặt từ 60 điểm đến dưới 75 điểm và hồ sơ nộp không chậm so với tiến độ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8 của Thông tư này là 30 ngày hoặc trên 75 điểm nhưng hồ sơ nộp chậm so với tiến độ quy định từ 31 đến 180 ngày;

- Dự án được đánh giá ở mức “không đạt” là dự án có bình quân tổng số điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng có mặt dưới 60 điểm và hồ sơ nộp không chậm hơn tiến độ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8 của Thông tư này là 180 ngày hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

- + Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực;
- + Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền);
- + Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung;
- + Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8 của Thông tư này từ 180 ngày trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu cấp Nhà nước

- Đối với các dự án được đánh giá “không đạt”, Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp Nhà nước có trách nhiệm xem xét, xác định những nội dung, công việc đã thực hiện được theo đúng Hợp đồng làm căn cứ để Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và xử lý;

- Đối với những dự án được đánh giá ở mức “đạt” trở lên, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họp xong Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp Nhà nước, chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì dự án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chuyên giao công nghệ bổ sung hoàn thiện hồ sơ theo kiến nghị của Hội đồng và gửi 03 bộ hồ sơ gốc về Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi, Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức thanh lý hợp đồng.

Mục 2**ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU DỰ ÁN ỦY QUYỀN
ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ****Điều 9. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện mô hình**

Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện mô hình được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Mục 1 của Thông tư này.

Điều 10. Đánh giá, nghiệm thu dự án cấp tỉnh, thành phố**1. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu dự án cấp tỉnh, thành phố**

a) Chậm nhất là 35 ngày kể từ ngày kết thúc Hợp đồng, chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm nộp 12 bộ hồ sơ đánh giá, nghiệm thu (trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc) cho Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Bộ hồ sơ đánh giá, nghiệm thu dự án cấp tỉnh, thành phố gồm công văn đề nghị nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố của cơ quan chủ trì và các tài liệu sau đây:

- Báo cáo kết quả thực hiện dự án (báo cáo tổng kết) theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

- Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện dự án.

- Tập hợp các tài liệu có liên quan gồm:

+ Thuyết minh và hợp đồng dự án (bản phô tô);

+ Những tài liệu và sản phẩm của dự án theo yêu cầu đã nêu trong hợp đồng;

+ Các báo cáo và biên bản kiểm tra định kỳ;

+ Biên bản quyết toán tài chính hàng năm và biên bản xác nhận tình hình sử dụng kinh phí năm cuối nếu năm cuối chưa đến thời hạn quyết toán.

+ Báo cáo kết quả triển khai thực hiện các mô hình;

+ Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu các mô hình và biên bản đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các mô hình;

+ Các văn bản có liên quan khác.

2. Đánh giá, nghiệm thu dự án cấp tỉnh, thành phố

a) Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu dự án cấp tỉnh, thành phố, Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố đánh giá kết quả thực hiện dự án theo các nội dung sau:

- Kết quả công tác chuyển giao công nghệ so với mục tiêu, nội dung của dự án và hợp đồng;
- Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với Hợp đồng;
- Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án;
- Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án;
- Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án;
- Khả năng duy trì và nhân rộng kết quả của dự án.

b) Kết quả thực hiện dự án được đánh giá bằng điểm theo các tiêu chí và thang điểm quy định tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này và thời điểm nộp hồ sơ để xếp loại dự án theo các mức “xuất sắc”, “khá”, “đạt” hoặc “không đạt”. Cụ thể như sau:

- Dự án được đánh giá ở mức “xuất sắc” là dự án có bình quân tổng số điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng có mặt từ 90 điểm đến 100 điểm và hồ sơ nộp đúng tiến độ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 10 của Thông tư này hoặc không chậm hơn tiến độ quy định là 15 ngày.

- Dự án được đánh giá ở mức “khá” là dự án có bình quân tổng số điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng có mặt từ 75 điểm đến dưới 90 điểm và hồ sơ nộp không chậm hơn tiến độ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 10 của Thông tư này là 15 ngày hoặc trên 90 điểm nhưng hồ sơ nộp chậm so với tiến độ quy định từ 16 đến 30 ngày.

- Dự án được đánh giá ở mức “đạt” là dự án có bình quân tổng số điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng có mặt từ 60 điểm đến dưới 75 điểm và hồ sơ nộp không chậm so với tiến độ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 10 của Thông tư này là 30 ngày hoặc trên 75 điểm nhưng hồ sơ nộp chậm so với tiến độ quy định từ 31 đến 180 ngày.

- Dự án được đánh giá ở mức “không đạt” là dự án có bình quân tổng số điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng có mặt dưới 60 điểm và hồ sơ nộp không chậm hơn tiến độ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 10 của Thông tư này là 180 ngày hoặc thuộc 1 trong các trường hợp sau:

- + Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực;
- + Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền);

+ Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung;

+ Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 10 của Thông tư này từ 181 ngày trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố

- Đối với các dự án được đánh giá “không đạt”, Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố có trách nhiệm xem xét, xác định những nội dung, công việc đã thực hiện được theo đúng hợp đồng làm căn cứ để Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét và xử lý.

- Đối với những dự án được đánh giá ở mức “đạt” trở lên, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họp xong Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố, chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì dự án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chuyển giao công nghệ bổ sung hoàn thiện hồ sơ theo kiến nghị của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố và gửi 03 bộ hồ sơ gốc về Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức thanh lý hợp đồng, 02 bộ hồ sơ gốc về Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi để tổng hợp.

Chương III

TRÁCH NHIỆM TRONG QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì thực hiện, chủ nhiệm dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ của dự án

1. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các mô hình và kiểm tra việc thực hiện các quy định trong quá trình tổ chức đánh giá theo đúng quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan chủ trì thực hiện, chủ nhiệm dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ của dự án có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp tài liệu và trả lời những vấn đề cần thiết liên quan đến kết quả dự án theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu, thông tin đã cung cấp.

3. Trong quá trình thực hiện đánh giá, nghiệm thu dự án, nếu có hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ thì sẽ bị xử lý theo quy định về xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp cơ quan chủ trì thực hiện, chủ nhiệm dự án và cơ quan chuyên giao công nghệ của dự án vi phạm các điểm quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 7; Điểm b, Khoản 2, Điều 8 và Điểm b, Khoản 2, Điều 10 của Thông tư này bị phát hiện sau khi đã hoàn thành việc đánh giá, nghiệm thu kết quả dự án, thì những kết luận đánh giá ở mức từ “đạt” trở lên bị hủy bỏ và bị xếp loại và xử lý theo mức “không đạt”.

5. Cơ quan chủ trì thực hiện, chủ nhiệm dự án và cơ quan chuyên giao công nghệ của dự án tự trang trải các chi phí phát sinh để hoàn thiện báo cáo kết quả dự án theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu các cấp do thực hiện chưa đúng với nội dung và yêu cầu đã ghi trong Hợp đồng.

Điều 12. Trách nhiệm của Hội đồng và cá nhân tham gia đánh giá, nghiệm thu

Các thành viên Hội đồng, các cá nhân tham gia đánh giá, nghiệm thu dự án có trách nhiệm thực hiện việc đánh giá trung thực, khách quan, chính xác, bảo đảm nguyên tắc dân chủ và chịu trách nhiệm về các ý kiến tư vấn và các hành vi của mình trong quá trình tham gia đánh giá, nghiệm thu.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức đánh giá, nghiệm thu các dự án ủy quyền địa phương quản lý và đánh giá kết quả thực hiện các dự án do Trung ương quản lý theo đúng quy định tại Thông tư này và kiểm tra việc thực hiện các quy định trong quá trình tổ chức đánh giá, nghiệm thu.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký. Đối với các dự án có thời hạn kết thúc Hợp đồng thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì được đánh giá, nghiệm thu theo quy định tại thời điểm đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Quân

Phụ lục I

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ MÔ HÌNH

(Kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BKHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TÊN CƠ QUAN CHỦ TRÌ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH

1. Tên dự án:

2. Cơ quan chủ trì thực hiện dự án:

3. Thời gian thực hiện dự án:

Hợp đồng số:..... ngày..... tháng..... năm.....

4. Tên mô hình:

5. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện mô hình số..... ngày..... tháng..... năm.....

6. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện mô hình:

7. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên Hội đồng

...../.....; vắng..... thành viên, gồm các thành viên:

.....
.....

8. Khách mời:

1.

2.

.....

9. Nội dung đánh giá

- Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với hợp đồng

- Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện mô hình
- Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện mô hình
- Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của mô hình
- Khả năng duy trì và nhân rộng của mô hình

10. Kết luận và kiến nghị

Thư ký Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)

Phụ lục II**MẪU BÁO CÁO TỔNG KẾT**

(Kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BKHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BÁO CÁO TỔNG KẾT DỰ ÁN

thuộc Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi” giai đoạn 2004 - 2010

A. Tóm tắt thông tin về dự án đã được phê duyệt và đã được điều chỉnh
(Phần này lấy từ thuyết minh dự án và các văn bản điều chỉnh của các cơ quan quản lý có thẩm quyền như UBND tỉnh, thành phố, Bộ KH&CN).

1. Thông tin chung về dự án
2. Mục tiêu
3. Nội dung
4. Sản phẩm và chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, chất lượng, quy mô của sản phẩm theo hợp đồng, thuyết minh dự án đã được phê duyệt và điều chỉnh (nếu có).

B. Kết quả triển khai thực hiện dự án**I. Công tác tổ chức, quản lý điều hành để triển khai thực hiện dự án**

(Ví dụ như: Thành lập Ban quản lý dự án ở các cấp; chọn điểm, chọn đối tượng, chọn hộ để tiếp nhận và triển khai thực hiện các nội dung của dự án v.v...)

II. Kết quả thực hiện các nội dung

1. Chuyển giao công nghệ, đào tạo kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn
2. Xây dựng các các mô hình
 - a) Mô hình.....
 - b) Mô hình.....
 -
3. Quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ Trung ương và địa phương, huy động đối ứng từ các thành phần kinh tế để thực hiện dự án.
4. Tổ chức thị trường tiêu thụ sản phẩm của dự án

5. Thông tin tuyên truyền và biện pháp khuyến khích nhân rộng kết quả của dự án.

6. Tổng hợp kết quả đạt được của các nội dung so với hợp đồng và thuyết minh dự án

a) Về quy mô và số lượng

Số TT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng, quy mô theo hợp đồng và thuyết minh	Số lượng, quy mô thực hiện	% thực hiện
1	Sản phẩm...				
2	Sản phẩm...				
				

b) Về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng

Số TT	Sản phẩm	Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng theo hợp đồng và thuyết minh	Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng đạt được
1	Sản phẩm...		
2	Sản phẩm...		
		

III. Phân tích đánh giá kết quả đạt được của dự án theo các nội dung

1. Công tác chuyển giao công nghệ (*mức độ làm chủ được công nghệ của người tiếp nhận công nghệ, kết quả triển khai thực hiện các công nghệ, những điều chỉnh bổ sung trong các quy trình công nghệ để phù hợp với địa bàn...*)

2. Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với hợp đồng (*nội dung và quy mô đã thực hiện được so với nội dung và quy mô đã đăng ký tại thuyết minh dự án và hợp đồng đã ký*)

3. Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án (*phối hợp giữa cơ quan chủ trì dự án, cơ quan chuyển giao công nghệ và địa bàn tiếp nhận dự án, phương pháp tổ chức triển khai thực hiện dự án...*)

4. Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án (*kinh phí dự án được sử dụng đúng mục đích và chi theo đúng quy định của Nhà nước, huy động nguồn kinh phí đối ứng cho dự án...*)

5. Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án (*tính toán và phân tích hiệu quả trực tiếp từ kết quả dự án và hiệu quả đối với xã hội và môi trường của dự án*)

6. Khả năng duy trì và nhân rộng kết quả của dự án (*phương án duy trì và nhân rộng mô hình của dự án vào các địa bàn tương tự*)

C. Kết luận và kiến nghị

1. Kết luận (*đánh giá chung về kết quả đạt được và tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện dự án*)

2. Kiến nghị và đề xuất

- Về cơ chế chính sách;
- Về tổ chức quản lý.

Phụ lục III**PHƯƠNG THỨC LÀM VIỆC CỦA CÁC HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU***(Kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010**của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)***PHƯƠNG THỨC VÀ QUY TRÌNH LÀM VIỆC
CỦA CÁC HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU DỰ ÁN***thuộc Chương trình “Xây dựng các mô hình ứng dụng và chuyển giao KHCN phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi” giai đoạn 2004 - 2010***I. Thời hạn đánh giá, nghiệm thu dự án**

Việc đánh giá, nghiệm thu dự án phải được hoàn thành trong thời hạn là 30 ngày đối với đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố và 45 ngày đối với đánh giá, nghiệm thu cấp Nhà nước kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá nghiệm thu hợp lệ.

II. Phiên họp của Hội đồng đánh giá nghiệm thu

A. Phiên họp của các Hội đồng đánh giá, nghiệm thu dự án chỉ được tổ chức sau khi các thành viên Hội đồng nhận được hồ sơ đánh giá nghiệm thu là 5 ngày và đảm bảo quy định tại Mục 1, Điều 5 của Thông tư Hướng dẫn đánh giá, nghiệm thu dự án thuộc Chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2004 - 2010.

B. Quy trình làm việc của phiên họp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu dự án

1. Thư ký hành chính của Hội đồng nêu lý do họp hội đồng, đọc quyết định thành lập hội đồng và giới thiệu các đại biểu tham dự. Thông báo về thời điểm nộp hồ sơ nghiệm thu và tình trạng chấp hành các quy định ghi tại Điểm b, Khoản 2, Điều 8 đối với dự án Trung ương quản lý; Điểm b, Khoản 2, Điều 10 đối với dự án ủy quyền địa phương quản lý.

2. Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó chủ tịch Hội đồng (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) chủ trì phiên họp Hội đồng.

3. Hội đồng bầu 01 thành viên trong Hội đồng làm thư ký khoa học Hội đồng.

4. Thư ký Hội đồng đọc bản nhận xét đánh giá của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

5. Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá

a) Nội dung thảo luận, nhận xét và đánh giá của Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện mô hình thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 của Thông tư Hướng dẫn đánh giá, nghiệm thu dự án thuộc Chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng và

chuyên giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi 2004 - 2010”;

b) Nội dung thảo luận, nhận xét và đánh giá của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố đối với dự án do Trung ương quản lý thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Thông tư Hướng dẫn đánh giá, nghiệm thu dự án thuộc Chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2004 - 2010;

c) Nội dung thảo luận, nhận xét và đánh giá của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, thành phố đối với dự án ủy quyền địa phương quản lý thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 của Thông tư Hướng dẫn đánh giá, nghiệm thu dự án thuộc Chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2004 - 2010;

d) Nội dung thảo luận, nhận xét và đánh giá của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp Nhà nước đối với dự án do Trung ương quản lý thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 của Thông tư Hướng dẫn đánh giá, nghiệm thu dự án thuộc Chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2004 - 2010.

6. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu và bỏ phiếu đánh giá.

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên Hội đồng.

7. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá.

Thành viên Hội đồng đánh giá kết quả dự án theo thang điểm đã quy định được ghi trên phiếu. Những phiếu hợp lệ là những phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa đã ghi trên phiếu tương ứng cho từng chỉ tiêu đánh giá.

8. Kết luận của Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tổng hợp ý kiến và kết luận đánh giá kết quả thực hiện dự án theo từng nội dung đã được quy định trong mẫu biên bản.

9. Hội đồng thảo luận để thông qua từng nội dung kết luận của Hội đồng.

10. Hội đồng xếp loại dự án.

11. Trong trường hợp kết quả dự án được đánh giá ở mức “không đạt” Hội đồng xem xét xác định những nội dung công việc đã thực hiện được so với hợp đồng làm căn cứ để các cơ quan quản lý có thẩm quyền xem xét và xử lý.

Ghi chú: Các nội dung từ 6 đến 11 chỉ áp dụng đối với các Hội đồng cấp tỉnh, thành phố và cấp Nhà nước.

Phụ lục IV
PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG CẤP TỈNH DỰ ÁN
DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ

*(Kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BKHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘI ĐỒNG KH&CN
CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ , ngày... tháng... năm...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN
DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ

*thuộc Chương trình “Xây dựng các mô hình ứng dụng và chuyển giao KHCN
phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi”
giai đoạn 2004 - 2010*

1. Tên Dự án

2. Tên tổ chức và cá nhân chủ trì Dự án

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

3. Tên tổ chức chuyển giao công nghệ

4. Họ và tên thành viên Hội đồng

Chức danh trong Hội đồng:

5. Đánh giá kết quả của dự án

Số TT	Tên chỉ tiêu	Điểm số		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm đánh giá của ủy viên Hội đồng	
1	Mức độ thực hiện nội dung, quy mô và sản phẩm so với hợp đồng	50		
2	Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án	10		
3	Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án	10		
4	Hiệu quả kinh tế xã hội và môi trường của dự án	10		
5	Khả năng duy trì và nhân rộng của dự án	20		
Tổng số:				

a) Tổng số điểm tối đa là: 100 điểm

+ Từ 60 đến 100 điểm và không vi phạm các quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 10: “Đạt”;

+ Dưới 60 điểm: “Không đạt”.

b) Tình trạng vi phạm các quy định:

+ Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực: có ; không ;

+ Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền):

có ; không .

+ Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung: có ; không .

6. Các ý kiến lưu ý, bổ sung (nếu có)

.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Ủy viên Hội đồng

(Chữ ký và họ tên)

Phụ lục V
PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG CẤP NHÀ NƯỚC DỰ ÁN
DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ

*(Kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KH&CN
CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN
DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ

*thuộc Chương trình “Xây dựng các mô hình ứng dụng và chuyển giao KH&CN
phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi”
giai đoạn 2004 - 2010*

1. Tên Dự án

2. Tên tổ chức và cá nhân chủ trì Dự án

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

3. Tên tổ chức chuyển giao công nghệ

4. Họ và tên thành viên Hội đồng

Chức danh trong Hội đồng:

5. Đánh giá kết quả của dự án

Số TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của TVHD
1	<i>Đánh giá về công tác chuyển giao công nghệ: (mức độ làm chủ được công nghệ của người tiếp nhận công nghệ, kết quả triển khai thực hiện các công nghệ,...)</i>	10	
2	<i>Mức độ thực hiện các nội dung và quy mô đã đề ra của dự án: (nội dung và quy mô đã thực hiện được so với nội dung và quy mô đã đăng ký tại thuyết minh dự án và hợp đồng đã ký)</i>	30	
3	<i>Phương pháp tổ chức, quản lý và chỉ đạo thực hiện dự án (phối hợp giữa cơ quan chủ trì dự án, cơ quan chuyển giao công nghệ và địa bàn tiếp nhận dự án, phương pháp tổ chức triển khai thực hiện dự án...)</i>	15	
4	<i>Thời gian thực hiện dự án (theo đúng tiến độ đề ra so với hợp đồng)</i>	5	
5	<i>Quản lý tài chính dự án (kinh phí dự án được sử dụng đúng mục đích và chi theo đúng quy định của Nhà nước, huy động nguồn kinh phí đối ứng cho dự án...)</i>	10	
6	<i>Hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội của dự án: (hiệu quả trực tiếp từ kết quả dự án và hiệu quả đối với xã hội của dự án)</i>	10	
7	<i>Khả năng duy trì và phát triển của dự án sau khi kết thúc: (phương án mở rộng hoặc nhân rộng mô hình của dự án vào các địa bàn tương tự, chứng minh được khả năng duy trì kết quả dự án)</i>	20	
	Tổng số	100	

6. Tình trạng vi phạm các quy định

+ Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực: có ; không ;

+ Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền):

có ; không ;

+ Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung: có ; không ;

+ Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định từ 181 ngày trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ:

có ; không .

7. Các ý kiến lưu ý, bổ sung (nếu có)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Chữ ký và họ tên)

Phụ lục VI
PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG CẤP TỈNH DỰ ÁN ỦY QUYỀN
ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

*(Kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG KH&CN

CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN
ỦY QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

*thuộc Chương trình “Xây dựng các mô hình ứng dụng và chuyển giao KHHCN
phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi”
giai đoạn 2004 - 2010*

1. Tên Dự án

2. Tên tổ chức và cá nhân chủ trì Dự án

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

3. Tên tổ chức chuyển giao công nghệ

4. Họ và tên thành viên Hội đồng

Chức danh trong Hội đồng:

5. Đánh giá kết quả của dự án

Số TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của TVHD
1	<i>Đánh giá về công tác chuyển giao công nghệ: (mức độ làm chủ được công nghệ của người tiếp nhận công nghệ, kết quả triển khai thực hiện các công nghệ,...)</i>	10	
2	<i>Mức độ thực hiện các nội dung và quy mô đã đề ra của dự án: (nội dung và quy mô đã thực hiện được so với nội dung và quy mô đã đăng ký tại thuyết minh dự án và hợp đồng đã ký)</i>	30	
3	<i>Phương pháp tổ chức, quản lý và chỉ đạo thực hiện dự án (phối hợp giữa cơ quan chủ trì dự án, cơ quan chuyển giao công nghệ và địa bàn tiếp nhận dự án, phương pháp tổ chức triển khai thực hiện dự án...)</i>	15	
4	<i>Thời gian thực hiện dự án (theo đúng tiến độ đề ra so với hợp đồng)</i>	5	
5	<i>Quản lý tài chính dự án (kinh phí dự án được sử dụng đúng mục đích và chi theo đúng quy định của Nhà nước, huy động nguồn kinh phí đối ứng cho dự án...)</i>	10	
6	<i>Hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội của dự án: (hiệu quả trực tiếp từ kết quả dự án và hiệu quả đối với xã hội của dự án)</i>	10	
7	<i>Khả năng duy trì và phát triển của dự án sau khi kết thúc: (phương án mở rộng hoặc nhân rộng mô hình của dự án vào các địa bàn tương tự, chứng minh được khả năng duy trì kết quả dự án)</i>	20	
	Tổng số	100	

6. Tình trạng vi phạm các quy định

+ Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực: có ; không .

+ Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền):

có ; không .

+ Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung: có ; không .

+ Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định từ 181 ngày trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ:

có ; không .

7. Các ý kiến lưu ý, bổ sung (nếu có)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Chữ ký và họ tên)

Phụ lục VII
BIÊN BẢN CẤP TỈNH NGHIỆM THU DỰ ÁN
DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ

*(Kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG KH&CN
CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ
*thuộc Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học
và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi”
giai đoạn 2004 - 2010*

A. Những thông tin chung

1. Tên dự án:

2. Cơ quan chủ trì thực hiện dự án:

- Chủ nhiệm dự án:

3. Thời gian thực hiện dự án:

Họp đồng số:..... ngày..... tháng..... năm.....

4. Tổng kinh phí thực hiện dự án:

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học Trung ương:

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học Địa phương:

- Kinh phí nguồn khác:

5. Quyết định thành lập Hội đồng:

Số:...../QĐ-BKHHCN ngày.... tháng.... năm.... của.....

6. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

- Địa điểm:

- Thời gian:..... ngày..... tháng..... năm.....

7. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên Hội đồng...../.....; vắng..... thành viên, gồm các thành viên:

.....

8. Khách mời:

.....

B. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng đã kiểm tra hồ sơ của dự án (theo hợp đồng đã ký), đã nghe các ủy viên phản biện đọc bản nhận xét, phân tích kết quả dự án.

Thư ký Hội đồng đã đọc bản nhận xét đánh giá kết quả dự án của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận kỹ kết quả của dự án theo báo cáo tổng kết dự án và đối chiếu với hợp đồng và thuyết minh đã được phê duyệt.

Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện dự án:

a) Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với hợp đồng

b) Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án

c) Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án

d) Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án

e) Khả năng duy trì và nhân rộng kết quả của dự án

3. Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên sau:

.....

4. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá.

5. Kết quả kiểm phiếu:

- Số phiếu phát ra:...../.....
- Số phiếu thu vào:...../.....
- Tổng số điểm bình quân của các thành viên Hội đồng:
- Số phiếu hợp lệ:...../.....
- Số phiếu không hợp lệ:...../.....

6. Tình trạng vi phạm các quy định:

- + Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực: có ; không ;
- + Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền):
có ; không ;
- + Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung: có ; không ;
- + Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định từ 181 ngày trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ:
có ; không .

7. Kết quả đánh giá của Hội đồng

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu và Điểm b, Khoản 2, Điều 7, Hội đồng đánh giá dự án đạt loại:.....

8. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

Thư ký Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)

....., ngày.... tháng.... năm.....

Chủ tịch Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)

GHI CHÉP Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

Thư ký Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)

Phụ lục VIII
BIÊN BẢN CẤP NHÀ NƯỚC NGHIỆM THU DỰ ÁN
DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ

*(Kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BKHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ**
HỘI ĐỒNG KH&CN
CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ
*thuộc Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và
công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi”
giai đoạn 2004 - 2010*

A. Những thông tin chung

1. Tên dự án:

2. Cơ quan chủ trì thực hiện dự án:

- Chủ nhiệm dự án:

3. Thời gian thực hiện dự án:

Hợp đồng số:..... ngày..... tháng..... năm.....

4. Tổng kinh phí thực hiện dự án:

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học Trung ương:

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học Địa phương:

- Kinh phí nguồn khác:

5. Quyết định thành lập Hội đồng:

Số:...../QĐ-BKHCN ngày.... tháng.... năm.... của Bộ trưởng Bộ KH&CN

6. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

- Địa điểm:

- Thời gian:..... ngày..... tháng..... năm.....

7. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên Hội đồng...../.....;
vắng..... thành viên, gồm các thành viên:

.....
.....
.....
8. Khách mời:
.....
.....

B. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng đã kiểm tra hồ sơ của dự án (theo hợp đồng đã ký), đã nghe các ủy viên phân biện đọc bản nhận xét, phân tích kết quả dự án.

Thư ký Hội đồng đã đọc bản nhận xét đánh giá kết quả dự án của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận kỹ kết quả của dự án theo báo cáo tổng kết dự án và đối chiếu với hợp đồng và thuyết minh đã được phê duyệt.

Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện dự án:

a) Kết quả công tác chuyển giao công nghệ so với mục tiêu, nội dung của dự án và hợp đồng

b) Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với hợp đồng

c) Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án

d) Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án

đ) Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án

e) Khả năng duy trì và nhân rộng kết quả của dự án

3. Hội đồng đã bầu ra ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên sau:
.....
.....
.....

4. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá.

5. Kết quả kiểm phiếu:

- Số phiếu phát ra:...../.....
- Số phiếu hợp lệ:...../.....
- Số phiếu thu vào:...../.....
- Số phiếu không hợp lệ:...../.....
- Tổng số điểm bình quân của các thành viên Hội đồng:

6. Thời điểm nộp hồ sơ:

- Đúng tiến độ quy định: có ; không ;
- Chậm so với tiến độ quy định không quá 15 ngày: có ; không ;
- Chậm so với tiến độ quy định 16 đến 30 ngày: có ; không ;
- Chậm so với tiến độ quy định từ 31 đến 180 ngày: có ; không .

7. Tình trạng vi phạm các quy định:

- + Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực: có ; không ;
- + Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền):
có ; không ;
- + Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung: có ; không ;
- + Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định từ 181 ngày trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ:
có ; không .

8. Kết quả đánh giá của Hội đồng

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu và Điểm b, Khoản 2, Điều 8, Hội đồng đánh giá dự án đạt loại:.....

9. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

Thư ký Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)

....., ngày.... tháng.... năm....

Chủ tịch Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)

GHI CHÉP Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

Thư ký Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)

Phụ lục IX**BIÊN BẢN CẤP TỈNH NGHIỆM THU DỰ ÁN ỦY QUYỀN
ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

*(Kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BKHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
**HỘI ĐỒNG KH&CN
CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ**

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU
DỰ ÁN ỦY QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

*thuộc Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và
công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi”
giai đoạn 2004 - 2010*

A. Những thông tin chung

1. Tên dự án:

2. Cơ quan chủ trì thực hiện dự án:

- Chủ nhiệm dự án:

3. Thời gian thực hiện dự án:

Hợp đồng số:..... ngày..... tháng..... năm.....

4. Tổng kinh phí thực hiện dự án:

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học Trung ương:

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học Địa phương:

- Kinh phí nguồn khác:

5. Quyết định thành lập Hội đồng:

Số:...../QĐ-BKHCN ngày..... tháng..... năm..... của.....

6. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

- Địa điểm:

- Thời gian:..... ngày..... tháng..... năm.....

7. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên Hội đồng...../.....; vắng..... thành viên, gồm các thành viên:

.....
.....

8. Khách mời:

.....
.....

B. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng đã kiểm tra hồ sơ của dự án (theo hợp đồng đã ký), đã nghe các ủy viên phản biện đọc bản nhận xét, phân tích kết quả dự án.

Thư ký Hội đồng đã đọc bản nhận xét đánh giá kết quả dự án của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận kỹ kết quả của dự án theo báo cáo tổng kết dự án và đối chiếu với hợp đồng và thuyết minh đã được phê duyệt.

Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện dự án:

a) Kết quả công tác chuyển giao công nghệ so với mục tiêu, nội dung của dự án và hợp đồng

b) Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với hợp đồng

c) Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án

d) Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án

đ) Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án

e) Khả năng duy trì và nhân rộng kết quả của dự án

3. Hội đồng đã bầu ra ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên sau:

.....

.....

 4. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá.

5. Kết quả kiểm phiếu:

- Số phiếu phát ra:...../.....
- Số phiếu thu vào:...../.....
- Tổng số điểm bình quân của các thành viên Hội đồng:
- Số phiếu hợp lệ:...../.....
- Số phiếu không hợp lệ:...../.....

6. Thời điểm nộp hồ sơ:

- Đúng tiến độ quy định: có ; không ;
- Chậm so với tiến độ quy định không quá 15 ngày: có ; không ;
- Chậm so với tiến độ quy định 16 đến 30 ngày: có ; không ;
- Chậm so với tiến độ quy định từ 31 đến 180 ngày: có ; không .

7. Tình trạng vi phạm các quy định:

- + Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực: có ; không ;
- + Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền):
 có ; không ;
- + Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung: có ; không ;
- + Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định từ 181 ngày trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ:
 có ; không .

8. Kết quả đánh giá của Hội đồng

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu và Điểm b, Khoản 2, Điều 10, Hội đồng đánh giá dự án đạt loại:.....

9. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thư ký Hội đồng
 (Chữ ký và họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
 (Chữ ký và họ tên)

GHI CHÉP Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

Thư ký Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)